

hiện mọi biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm đủ vắc-xin.

Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục hải quan có trách nhiệm bảo đảm nhanh chóng các khâu tiếp nhận vắc-xin ở sân bay, vận chuyển an toàn và kịp thời tới các địa phương và khu vực.

Bộ Năng lượng có trách nhiệm cung cấp điện bảo quản vắc-xin. Bộ Tài chính cần tạo điều kiện, cung cấp kinh phí cho hoạt động tiêm chủng từ trung ương tới cơ sở.

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội chữ thập đỏ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ngành giáo dục, phổ thông có trách nhiệm trực tiếp vận động và huy động các bà mẹ đưa trẻ đi uống vắc-xin phòng bệnh bại liệt đầy đủ.

Các ngành văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, các báo Trung ương và địa phương đưa vào chương trình hành động của ngành để thông tin, giáo dục nhân dân, các bà mẹ hiểu biết và tham gia việc thanh toán bệnh bại liệt.

Chương trình tiêm chủng mở rộng — thanh toán bệnh bại liệt 1991 — 1995 không chỉ bảo vệ sức khỏe trẻ em — tương lai của đất nước — còn có ý nghĩa về chính trị, xã hội và quan hệ quốc tế quan trọng. Yêu cầu Ủy ban Nhân dân các cấp, các ngành, các đoàn thể trong phạm vi trách nhiệm của mình thực hiện tốt Chỉ thị này, từng thời gian báo cáo kết quả với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình tiêm chủng mở rộng — thanh toán bệnh bại liệt.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
ĐỖ MUỖI

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 133-CT ngày 25-4-1991 về việc mở rộng diện trao quyền sử dụng và trách nhiệm bảo toàn vốn sản xuất kinh doanh cho đơn vị cơ sở quốc doanh.

Sau khi thực hiện việc thí điểm trao quyền sử dụng và trách nhiệm bảo toàn vốn sản xuất — kinh doanh cho các đơn vị cơ sở quốc doanh theo Chỉ thị số 316-CT ngày 1-9-1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;

Để mở rộng diện việc giao vốn cho tất cả các đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh;

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị:

1. Thực hiện mở rộng việc trao quyền sử dụng, trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn sản xuất — kinh doanh cho các đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh trực thuộc Trung ương (các Bộ) và địa phương (Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, quận, huyện).

2. Trước khi thực hiện việc giao vốn, các Bộ và Ủy ban Nhân dân các cấp cần chỉ đạo các đơn vị kinh tế quốc doanh trực thuộc thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại sản xuất, rà soát lại vốn cố định, vốn lưu động và năng lực sản xuất — kinh doanh của đơn vị, các điều kiện bảo đảm cho sản xuất — kinh doanh tương đối ổn định, hạch toán có lãi thực sự.

Những đơn vị bị thua lỗ kéo dài không có khả năng thanh toán và thuộc

diện phải giải thể thì không giao vốn, kiên quyết cho giải thể theo Quyết định 315-HĐBT ngày 1-9-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư hướng dẫn số 54-TC/CN ngày 13-11-1990 của Bộ Tài chính.

Riêng những xí nghiệp có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân tuy còn bị lỗ vẫn được xem xét để giao vốn.

3. Áp dụng bản Quy định nội dung và nguyên tắc mở rộng việc trao quyền sử dụng và trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn cho các xí nghiệp quốc doanh kèm theo Chỉ thị này, thay cho Bản quy định tạm thời kèm theo Chỉ thị 316-CT trước đây về việc giao vốn thí điểm.

4. Thời gian tiến hành mở rộng việc giao vốn cho các đơn vị kinh tế quốc doanh là đến 1-7-1991 hoàn thành về cơ bản (một số đơn vị nhỏ không có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân nếu chuẩn bị chưa kịp có thể thực hiện trong quý 3 năm 1991).

Thời điểm xác định số liệu để mở rộng việc giao vốn là ngày 1-1-1991, trên cơ sở số liệu kiểm kê 1 tháng 1 năm 1990 và số tăng giảm vốn trong năm 1990. Do đó các đơn vị xí nghiệp cần khẩn trương hoàn thành quyết toán 1990 để thực hiện việc giao vốn kịp thời.

5. Giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả số vốn đã được bàn giao, bảo toàn và phát triển số vốn này, thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Bản Quy định kèm theo.

6. Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này. Bộ trưởng Bộ Tài

chính chịu trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với các Bộ, các ngành và địa phương chỉ đạo, kiểm tra việc thi hành Chỉ thị này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

QUY ĐỊNH những nguyên tắc và nội dung trao quyền sử dụng trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn cho các xí nghiệp quốc doanh.

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 138-CT ngày 25-4-1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng)

I — MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA VÀ ĐỐI TƯỢNG GIAO VỐN

1. Mục đích, ý nghĩa:

a) Vốn sản xuất — kinh doanh của các đơn vị kinh tế quốc doanh bao gồm cả vốn cố định và vốn lưu động thuộc nguồn ngân sách cấp và nguồn xí nghiệp tự bổ sung đều thuộc sở hữu toàn dân. Nhà nước là người đại diện cho chủ sở hữu đó giao vốn cho các xí nghiệp — là người chủ quản lý và kinh doanh được tự chủ về vốn, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng vốn có hiệu quả cao.

b) Biên bản giao nhận vốn giữa các cơ quan đại diện Nhà nước và xí nghiệp

là căn cứ pháp lý để xác định trách nhiệm bảo toàn vốn theo định kỳ của các đơn vị kinh tế cơ sở và là cơ sở để xác định số thu nộp về sử dụng vốn ngân sách Nhà nước cấp theo Nghị định số 22-HĐBT ngày 24-1-1991 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư hướng dẫn số 13-TC/TCT ngày 28-2-1991 của Bộ Tài chính.

c) Trước khi tiến hành giao nhận vốn, các cơ quan quản lý cấp trên cùng với các ngành có liên quan và các đơn vị kinh tế cơ sở một lần nữa xác định chính xác số vốn hiện có, bao gồm nguồn vốn ngân sách cấp và nguồn vốn tự bổ sung ở xí nghiệp; rà soát lại vốn và năng lực sản xuất — kinh doanh của mình, thanh lý vốn ứ đọng, không cần dùng, thúc đẩy thực hiện việc tổ chức sắp xếp lại sản xuất trên cơ sở sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

2. Đối tượng được giao vốn:

Các đơn vị được Nhà nước trao quyền sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn sản xuất — kinh doanh bao gồm các Liên hiệp xí nghiệp, Tổng Công ty, Công ty, các xí nghiệp quốc doanh hạch toán kinh tế độc lập kể cả các đơn vị sản xuất — kinh doanh thuộc Bộ Quốc phòng, Nội vụ... (gọi chung là xí nghiệp) đã được Nhà nước ra quyết định thành lập, được cấp phát vốn và kinh doanh có hiệu quả, được chấp nhận sự tồn tại và phát triển. Trường hợp các xí nghiệp có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nếu còn bị thua lỗ thì phải được Nhà nước cho phép.

Các xí nghiệp đời sống, dịch vụ do các cơ quan hành chính — sự nghiệp Nhà nước, các tổ chức đảng, đoàn thể, các

hội thành lập nhằm giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập cho công nhân viên cần được kiểm tra, xem xét đăng ký và việc giao vốn được quy định trong Quyết định số 268-CT ngày 30-7-1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

II — NỘI DUNG VÀ PHẠM VI CÁC LOẠI VỐN GIAO CHO XÍ NGHIỆP

Các loại vốn được giao cho xí nghiệp bao gồm:

1. Vốn cố định, tức nguyên giá của toàn bộ tài sản cố định hiện có tại xí nghiệp trừ đi hao mòn tài sản cố định tính theo giá hiện hành trên sổ sách kế toán đến thời điểm giao vốn, bao gồm cả của tài sản cố định đang dùng, chưa dùng cần điều đi và chờ thanh lý hoặc vốn giữ hộ ngân sách, thuộc nguồn vốn ngân sách cấp và nguồn vốn tự bổ sung của xí nghiệp.

Vốn cố định thuộc nguồn vốn tín dụng ngân hàng, vốn nhận liên doanh, liên kết và các loại vốn vay khác không thuộc phạm vi vốn giao cho xí nghiệp.

2. Vốn lưu động thuộc nguồn ngân sách cấp và nguồn vốn tự bổ sung của xí nghiệp, bao gồm cả các khoản vốn giữ hộ ngân sách và chênh lệch giá được bổ sung tăng vốn theo quy định hiện hành.

Vốn lưu động vay ngân hàng, vốn nhận liên doanh, liên kết, vốn vay hoặc chiếm dụng khác không thuộc phạm vi vốn giao cho xí nghiệp.

3. Các loại vốn khác là nguồn coi như ngân sách cấp và nguồn tự bổ sung của

xí nghiệp vào vốn cố định và vốn lưu động cũng đều được giao cho xí nghiệp, bao gồm:

— Vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã cấp chưa thành tài sản cố định, kể cả vốn đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

— Khấu hao cơ bản để lại xí nghiệp của phần tài sản cố định do ngân sách cấp và phần do xí nghiệp tự bỏ sung.

— Vốn lán trại đã thành tài sản cố định (coi như nguồn ngân sách cấp).

— Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất.

— Các loại vốn trích vào giá thành như vốn sửa chữa lớn, chi phí trích trước...

— Lợi nhuận chưa phân phối.

Vốn sản xuất — kinh doanh thuộc các nguồn vốn vay Nhà nước theo Hiệp định viện trợ, quà tặng hoặc tiếp quản từ chế độ cũ để lại đều coi như vốn ngân sách cấp và được giao cho xí nghiệp.

Số vốn sản xuất — kinh doanh đã đưa đi liên doanh liên kết hoặc mua cổ phần ở trong nước và ngoài nước cũng đều được giao cho xí nghiệp.

Không giao cho xí nghiệp các loại vốn tín dụng ngân hàng, vốn vay khác, vốn nhận liên doanh liên kết, nhận cổ phần, vốn chiếm dụng khách hàng, vốn trong thanh toán. Các loại quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các khoản do ngân sách cấp kinh phí chuyên dùng như y tế, đào tạo (nếu có) đều không thuộc vốn giao cho xí nghiệp.

III - TRÁCH NHIỆM BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN CỦA XÍ NGHIỆP

1. Toàn bộ số vốn sử dụng trong quá trình sản xuất — kinh doanh, xí nghiệp

có trách nhiệm bảo toàn và phát triển.

Chế độ bảo toàn vốn đòi hỏi ở mỗi đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh phải sử dụng vốn có hiệu quả, thường xuyên duy trì và phát triển được năng lực sản xuất của mình, trong quá trình sản xuất — kinh doanh không bị hư hao mất mát, làm giảm vốn hoặc ăn chia vào vốn và trong điều kiện có trượt giá tăng lên thì số vốn ban đầu của xí nghiệp cũng phải được tăng theo để duy trì năng lực sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp.

Nhà nước quy định cụ thể chế độ bảo toàn vốn cố định và vốn lưu động thuộc nguồn ngân sách cấp và nguồn tự bỏ sung đã được giao cho xí nghiệp.

2. Phương thức bảo toàn vốn cố định là: xác định đúng nguyên giá tài sản cố định trên cơ sở đó tính đúng và tính đủ khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn tài sản cố định để tạo nguồn thay thế và duy trì năng lực sản xuất của tài sản cố định.

Chế độ bảo toàn vốn cố định được quy định trong văn bản này là việc bảo toàn số vốn cấp ban đầu để đầu tư tài sản cố định cho xí nghiệp tính từ thời điểm giao vốn, bao gồm cả vốn cố định (giá trị còn lại) và số dư khấu hao tài sản cố định để lại xí nghiệp (trừ phần nộp ngân sách Nhà nước).

Hàng năm, cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp xác định hệ số trượt giá tài sản cố định của đơn vị kinh tế cơ sở và giá trị vốn cố định phải bảo toàn. Số vốn cố định phải bảo toàn là căn cứ để tính thu tiền sử dụng vốn ngân sách Nhà nước cấp cho xí nghiệp.

Hệ số trượt giá chung của tài sản cố định có trừ hệ số hao mòn vô hình được

xác định phù hợp với đặc điểm cơ cấu hình thành tài sản cố định của từng ngành, từng xí nghiệp, trên cơ sở so sánh tỷ giá ngoại tệ để tính giá trị tài sản cố định (phần nhập khẩu) vào thời điểm giao vốn với tỷ giá ngoại tệ vào thời điểm do ngân hàng công bố và hệ số trượt giá đối với phần tài sản cố định hình thành bằng vốn trong nước.

Ngoài hệ số trượt giá, số phải bảo toàn về vốn cố định còn bao gồm cả số vốn ngân sách cấp thêm hoặc xí nghiệp tự bổ sung trong năm (nếu có).

Số thực tế đã bảo toàn được trong năm về vốn cố định cấp ban đầu cho xí nghiệp (bao gồm cả số dư khấu hao tài sản cố định để lại xí nghiệp) được xác định trên cơ sở số tài sản cố định tăng giảm trong năm và số khấu hao trích được về tài sản cố định.

3. Phương thức bảo toàn vốn lưu động.

Số phải bảo toàn hàng năm về vốn lưu động là nhân với số vốn lưu động được giao cho xí nghiệp kể từ thời điểm giao vốn, hệ số trượt giá (năm) của tài sản lưu động từng ngành, từng xí nghiệp.

Hệ số trượt giá bình quân của vốn lưu động được xác định phù hợp với đặc điểm cơ cấu tài sản lưu động từng ngành, từng xí nghiệp, trên cơ sở mức tăng giá thực tế cuối năm so với đầu năm của một số vật tư chủ yếu tính theo cơ cấu kế hoạch (định mức) vốn của từng xí nghiệp.

Cơ quan quản lý cấp trên xí nghiệp và cơ quan tài chính (chủ trì) xác định hệ số bảo toàn vốn lưu động hàng năm theo phương pháp nói trên cho từng xí nghiệp. Ngoài hệ số trượt giá, số phải bảo toàn về vốn lưu động còn bao gồm

cả số ngân sách cấp thêm hoặc coi như ngân sách cấp, hoặc xí nghiệp tự bổ sung trong năm (nếu có).

Số vốn lưu động thực tế đã bảo toàn được của xí nghiệp xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch giá tài sản lưu động định mức hiện có của xí nghiệp, bao gồm các khâu: vật tư dự trữ; bán thành phẩm, sản phẩm dở dang và thành phẩm đã bổ sung tăng vốn lưu động.

4. Xử lý trách nhiệm bảo toàn vốn.

a) Trường hợp số vốn cố định và vốn lưu động đã bảo toàn được thấp hơn số vốn cố định và vốn lưu động phải bảo toàn theo quy định tại mục 2 và 3 nói trên thì xí nghiệp có trách nhiệm điều chỉnh lại giá trị tài sản cố định nếu giá đó chưa được tính đủ, hoặc sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp để bù đắp, trước hết cho phần vốn thuộc ngân sách cấp. Trường hợp không có nguồn quỹ khuyến khích phát triển sản xuất thì xí nghiệp phải chuyển phần vốn đã tự bổ sung sang bù đắp đủ cho vốn phải bảo toàn thuộc phần ngân sách Nhà nước cấp. Trường hợp nguồn vốn tự bổ sung của xí nghiệp cũng không còn thì xí nghiệp có trách nhiệm bù đắp trong những năm sau. Đồng thời phân tích nguyên nhân và truy cứu trách nhiệm Giám đốc xí nghiệp (nếu cần).

Mọi tổn thất hao hụt vốn và không bảo toàn được vốn phát sinh trong nhiệm kỳ Giám đốc nào thì Giám đốc đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật cho đến khi xử lý xong.

Các trường hợp không bảo toàn được vốn do các nguyên nhân khách quan

như thiên tai, dịch họa... không thể khắc phục được mặc dù xí nghiệp đã có các biện pháp đề phòng, thì được xem xét đề giảm vốn.

b) Trường hợp số vốn cố định và vốn lưu động đã bảo toàn được cao hơn số phải bảo toàn thì phần chênh lệch cao hơn đó xí nghiệp không phải nộp tiền sử dụng vốn. Tuy nhiên xí nghiệp không được tính khấu hao vượt quá mức quy định của Nhà nước hoặc chiếm dụng vốn khách hàng để dự trữ vật tư hưởng chênh lệch giá.

c) Ngoài trách nhiệm bảo toàn vốn, các xí nghiệp có trách nhiệm phát triển vốn trên cơ sở khuyến khích sản xuất trích từ lợi nhuận để lại xí nghiệp và phần vốn khấu hao cơ bản để lại xí nghiệp dùng để đầu tư xây dựng cơ bản cho xí nghiệp.

IV - THỦ TỤC VÀ TỔ CHỨC VIỆC GIAO NHẬN VỐN CHO CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ

1. Các Bộ chủ quản cùng với Bộ Tài chính, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương thành lập các Hội đồng giao vốn cho xí nghiệp, do Bộ chủ quản và Ủy ban Nhân dân ra quyết định thành lập. Chủ tịch Hội đồng là đại diện của cơ quan tài chính.

Các đơn vị, xí nghiệp trực thuộc Bộ, Sở chủ quản thì Bộ (Sở) chủ quản là bên giao vốn.

Các xí nghiệp cấp quận, huyện, nếu do quận huyện ra quyết định thành lập thì Ủy ban Nhân dân quận huyện là người giao vốn và đại diện cơ quan tài

chính cấp trên của quận huyện (Sở Tài chính) làm Chủ tịch Hội đồng giao vốn.

Đối với các Liên hiệp xí nghiệp (mềm) thì Bộ chủ quản giao vốn trực tiếp cho xí nghiệp trực thuộc Liên hiệp. Bộ chủ quản có thể ủy nhiệm cho Liên hiệp giao vốn cho một số đơn vị nhỏ trực thuộc liên hiệp.

Đối với các Liên hiệp xí nghiệp (cứng), Tổng Công ty, Công ty hạch toán tập trung thì Bộ chủ quản giao vốn cho liên hiệp, Tổng Công ty, Công ty. Tổng Công ty, Công ty và Liên hiệp giao vốn cho các đơn vị trực thuộc trên cơ sở số vốn đã nhận. Khi Tổng Công ty, Công ty và Liên hiệp xí nghiệp giao vốn cho các đơn vị trực thuộc, nếu Bộ Tài chính không có điều kiện cử người làm Chủ tịch Hội đồng thì phân cấp cho các Sở Tài chính địa phương hoặc các Vụ Tài vụ Bộ (Sở) chủ quản làm Chủ tịch Hội đồng.

Đại diện bên nhận vốn là Giám đốc xí nghiệp. Ngoài Giám đốc xí nghiệp, khi ký biên bản nhận vốn còn có Chủ tịch Hội đồng xí nghiệp (nếu có) và kế toán trưởng xí nghiệp.

Những người ký biên bản giao nhận vốn còn có:

— Đại diện các bên giao nhận vốn.

— Chủ tịch Hội đồng giao vốn.

— Đại diện những người chứng kiến (đại diện cơ quan Trọng tài kinh tế hoặc đại diện cơ quan công chứng và đại diện công đoàn xí nghiệp).

Bên giao vốn ra quyết định thành lập tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng. Trong tổ chuyên viên nhất thiết có đại diện cơ quan tài chính.

Lễ giao vốn cần được tổ chức gọn nhẹ, nghiêm túc, trên cơ sở chuẩn bị tốt và chính xác các số liệu cụ thể. Có thể tổ chức lễ giao vốn tập trung một lúc cho nhiều đơn vị trong cùng một Tổng Công ty hoặc Công ty, Liên hiệp xí nghiệp.

2. Hồ sơ giao nhận vốn bao gồm:

— Biên bản giao nhận vốn (Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể mẫu biên bản giao nhận vốn).

— Bảng tổng kết tài sản đến thời điểm giao vốn.

— Các biểu tính toán và giải trình kèm theo.

3. Hàng năm cùng với việc xét duyệt quyết toán sản xuất — kinh doanh của đơn vị xí nghiệp, cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp xác định số vốn xí nghiệp phải bảo toàn đến thời điểm 31 tháng 12. Số liệu này được dùng làm căn cứ duyệt quyết toán vốn được bảo toàn năm báo cáo và làm cơ sở kiểm tra, xác định mức độ bảo toàn vốn trong năm tiếp theo.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 146-CT ngày 30-4-1991 về việc xuất khẩu gỗ và các loại lâm sản khác năm 1991 và các năm tới.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Đề tiết kiệm tài nguyên rừng đã giảm sút nghiêm trọng và nâng cao hiệu quả kinh tế của việc xuất khẩu gỗ và các loại lâm sản khác, kết hợp giải quyết công việc làm cho nhân dân;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Giao Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp xem xét, điều chỉnh giảm bớt hạn ngạch xuất khẩu gỗ năm 1991 theo hướng sau:

— Thương lượng đề giảm bớt mức xuất khẩu gỗ xẻ, gỗ lạng và gỗ ván sàn theo Nghị định thư. Nếu không giảm được, thì chỉ bảo đảm thực hiện theo mức ta đã cam kết, không tăng thêm.

— Kiểm tra chặt chẽ việc xuất khẩu gỗ thương mại, địa phương, đơn vị nào đã ký hợp đồng với khách hàng rồi và địa phương đã tính toán kỹ thì chấp nhận cho xuất khẩu gỗ xẻ. Địa phương, đơn vị nào tuy đã được phân phối chỉ tiêu xuất, nhưng còn đang tìm kiếm thị trường thì rút lại giấy phép, thời không cho xuất nữa. Trường hợp đặc biệt, muốn xuất phải xin phép Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

— Đối với địa phương và ngành có cơ sở sản xuất và có khả năng xuất khẩu các sản phẩm bằng gỗ thì ngành lâm nghiệp cung ứng đủ gỗ cho địa phương và ngành lâm hàng đề xuất, không hạn chế.

Gỗ tồn kho năm 1990 chưa xuất hết thì cũng tính vào hạn ngạch xuất khẩu năm 1991.